

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2018.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thanh.
2. Ông Trần Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Bùi Thị Tuyết Nga.
Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh

Ngày 30/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/7/2018 về việc “*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số A, tổ B, khóm C, phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Lâm Văn Đ, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số A, tổ B, khóm C, phường D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà f, đường G, phường M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị H và anh Đ có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Xuân H trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân H và anh Lâm Văn Đ kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp ngày 10/10/2003. Trong thời gian sống chung, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc do anh Đ không quan tâm vợ, con.

Đến năm 2007, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh Đ chơi đánh bài, số đề, chị H có khuyên anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ không thay đổi, chị H rất buồn nên bỏ đi Malaysia hợp tác lao động với mong muốn anh Đ thay đổi nhưng vẫn không khắc phục, vợ chồng không sống chung từ đầu năm 2007 đến nay. Thời gian xa nhau, vợ chồng không hàn gắn tình cảm.

Tháng 9/2017, chị H có nộp đơn yêu cầu ly hôn anh Đ nhưng anh Đ yêu cầu cho anh cơ hội hàn gắn tình cảm nên chị H rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Từ khi Tòa án đình chỉ đến nay, anh Đ vẫn không sửa chữa.

Nay chị H nhận thấy anh Đ không quan tâm vợ, con, chị H không còn thương anh Đ nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Thúy V, sinh ngày 05/8/2005, hiện con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Lâm Văn Đ trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh Đ thống nhất lời trình bày của chị H về quá trình kết hôn và thời gian chung sống. Tuy nhiên, anh Đ cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, chỉ là do sống chung với gia đình bên vợ không được thoải mái nên anh chỉ về nhà sau khi hết giờ làm; anh Đ không có cờ bạc, vợ chồng vẫn còn sống chung chứ không có ly thân từ năm 2007 đến nay như chị H trình bày. Nay anh Đ không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Thúy V, sinh ngày 05/8/2005, hiện con chung đang sống với vợ chồng. Anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng nếu buộc ly hôn, anh Đ không có ý kiến về việc nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Lâm Văn Đ có địa chỉ tại phường D và phường M,

thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Xuân H và anh Lâm Văn Đ được xác lập vào năm 2003, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp ngày 10/10/2003 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tại phiên tòa hôm nay, chị H cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Đ, anh Đ không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H vì anh còn thương vợ, con, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho con. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị Xuân H và anh Lâm Văn Đ có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống chung nhà nhưng, không quan tâm và chia sẻ với nhau, không có tiếng chung. Tháng 10/2017 và tháng 01/2018, chị H đã khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đ nhưng do anh Đ hứa khắc phục khuyết điểm và yêu cầu chị H cho anh cơ hội hàn gắn tình cảm nên chị H rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Từ tháng 11/2017 đến nay, chị H và anh Đ không hàn gắn tình cảm được, chị H tiếp tục khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đ, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, chị Nguyễn Thị Xuân H được ly hôn với anh Lâm Văn Đ.

[3] Xét con chung: Chị Nguyễn Thị Xuân H và anh Lâm Văn Đ có 01 con chung tên Lâm Thúy V, sinh ngày 05/8/2005, hiện con chung đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con chung, anh Đ đồng ý giao con cho chị H nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận của chị H và anh Đ là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của chị H và anh Đ, giao cho chị H tiếp tục nuôi con chung tên Lâm Thúy V, sinh ngày 05/8/2005.

[4] Xét cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, anh Đ không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, anh Đ tự thỏa thuận với chị H về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh Đ thống nhất vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Xét nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh Đ thống nhất vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Lâm Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Xuân H, chị Nguyễn Thị Xuân H được ly hôn với anh Lâm Văn Đ.

Con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Xuân H và anh Lâm Văn Đ: Chị Nguyễn Thị Xuân H được tiếp tục nuôi con chung tên Lâm Thúy V, sinh ngày 05/8/2005, hiện con chung đang sống với chị H.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002107 ngày 17/7/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy chị Nguyễn Thị Xuân H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lâm Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Xuân H và anh Lâm Văn Đ có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh